

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2025
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh
2. Ông Phạm Thành Trại

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Chi - Thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 691/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngô Thị L, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Lê Văn Đ, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30/10/2024, nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày: Bà và ông Lê Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị P, sinh năm 1991 và Lê Thị Phương T, sinh năm 1998, hai con đã thành niên, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản lời khai ngày 17/12/2024, bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: ông và bà Ngô Thị L sống chung như vợ chồng vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn, được gia

đình tổ chức lễ cưới và chung sống tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang từ năm 1989. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bà L bỏ nhà đi từ năm 2003 cho đến nay. Nay ông đồng ý yêu cầu của bà L.

Về con chung: Thống nhất có 02 con như bà L trình bày, 02 con đã thành niên. Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L xin ly hôn với ông Đ. Con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Ngô Thị L, ông Lê Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà L, ông Đ.

[2] Về nội dung: Xét thấy, bà Ngô Thị L và ông Lê Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật mặc dù ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống, ông bà bất đồng quan điểm và đã ly thân năm 2003 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L xin ly hôn và ông Đ cũng đồng ý ly hôn. Tuy ông bà thuận tình ly hôn nhưng giữa ông bà không có đăng ký kết hôn, căn cứ vào điều 53 Luật hôn nhân gia đình cần không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị P, sinh năm 1991 và Lê Thị Phương T, sinh năm 1998, hai con đã thành niên, bà L, ông Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Thị L và ông Lê Văn Đ là vợ chồng.

Về án phí: Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0012131 ngày 25/11/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà L đã nộp xong án phí.

Bà L, ông Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Hà

